GIÁO DỤC KỸ NĂNG KIỂM CHỨNG THÔNG TIN TRÊN MÔI TRƯỜNG SỐ CHO HỌC VIÊN Ở NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI

Phùng Quang Tùng, Trần Minh Tĩnh
Tiểu đoàn 1, Trường Sĩ quan Lục quân 2

Tóm tắt: *Giáo dục kỹ năng kiểm chứng thông tin trên môi trường số góp phần nâng cao chất lượng tự học, phát triển tư duy độc lập và hình thành hành vi sử dụng thông tin có trách nhiệm của học viên ở nhà trường quân đội. Bằng phương pháp phân tích, tổng hợp tài liệu và vận dụng vào yêu cầu giáo dục quân sự, bài viết làm rõ nội hàm kỹ năng kiểm chứng thông tin, xác định các yêu cầu giáo dục và đề xuất những biện pháp tổ chức thực hiện. Trọng tâm là cụ thể hóa mục tiêu thành hành vi có thể quan sát; hướng dẫn quy trình kiểm chứng; tổ chức học tập qua tình huống; phối hợp giữa giảng viên và cán bộ quản lý học viên; đánh giá thông qua bằng chứng và quá trình lập luận. Các đề xuất hướng tới giúp học viên chủ động tìm nguồn, đối chiếu nội dung, xác định giới hạn của kết luận và lựa chọn cách ứng xử phù hợp. Bài viết chưa kiểm nghiệm hiệu quả các biện pháp bằng dữ liệu thực nghiệm.*

Từ khóa: *Kiểm chứng thông tin; năng lực số; tư duy phản biện; học viên quân đội; giáo dục quân sự.*

DEVELOPING DIGITAL INFORMATION VERIFICATION SKILLS AMONG CADETS AT MILITARY EDUCATIONAL INSTITUTIONS

Abstract: *Developing digital information verification skills can support cadets' independent learning, critical thinking, and responsible information use at military educational institutions. Through document analysis and synthesis, interpreted in relation to military education requirements, this article clarifies the concept of information verification skills, identifies educational requirements, and proposes measures for implementation. The proposed measures focus on observable learning outcomes, a structured verification procedure, scenario-based learning, coordination between instructors and cadet management staff, and assessment of evidence and reasoning processes. These proposals aim to enable cadets to locate sources, cross-check claims, acknowledge the limits of their conclusions, and choose appropriate responses. Their effectiveness has not yet been empirically tested.*

Keywords: *Information verification; digital competence; critical thinking; military cadets; military education.*

Nhận bài: 16/09/2026 Phản biện: 16/10/2026 Duyệt đăng: 20/10/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong học tập và sinh hoạt, học viên nhà trường quân đội cần kiểm tra nguồn gốc, tính chính xác và sự phù hợp của thông tin trước khi sử dụng. Khung năng lực số ban hành kèm Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 xác định đánh giá dữ liệu, thông tin và nội dung số là một yêu cầu năng lực. Trong giáo dục quân sự, yêu cầu này cần phù hợp với mục tiêu đào tạo sĩ quan và quy định sử dụng Internet, thiết bị số. Giáo dục phải giúp học viên chuyển từ nhận biết nguyên tắc sang thực hiện thao tác kiểm chứng thông qua luyện tập, phản hồi và tự điều chỉnh. Bài viết phân tích, tổng hợp văn bản về năng lực số, tài liệu UNESCO và nghiên cứu kiểm chứng nguồn trực tuyến để đề xuất biện pháp sư phạm đối với thông tin công khai phục vụ học tập, sinh hoạt, thời sự; không trình bày kết quả khảo sát tại đơn vị cụ thể.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Kỹ năng kiểm chứng thông tin và ý nghĩa đối với học viên ở nhà trường quân đội

Kỹ năng kiểm chứng thông tin là khả năng xác định nội dung cần kiểm tra, truy nguồn, đối chiếu bằng chứng, xem xét bối cảnh và kết luận có căn cứ trước khi sử dụng hoặc chia sẻ; đồng thời nhận biết giới hạn và điều chỉnh nhận định khi có dữ liệu mới. Cần phân biệt uy tín của nguồn với độ chính xác của từng phát biểu, ảnh thật với chú thích đúng và việc thiếu bằng chứng với bằng chứng bác bỏ. UNESCO gợi ý tổ chức bài tập xác định phát biểu có thể kiểm chứng, thực hành và ghi lại quá trình. Brodsky và cộng sự (2021) ghi nhận nhóm được hướng dẫn đọc ngang — rời trang đang xem để tìm hiểu nguồn và đối chiếu thông tin — thực hiện chiến lược này và đánh giá độ tin cậy tốt hơn nhóm đối chứng sau can thiệp. Tuy nhiên, khả năng duy trì kết quả cần tiếp tục nghiên cứu; đây chưa phải bằng chứng về hiệu quả với học viên quân đội Việt Nam. Kỹ năng kiểm chứng giúp học viên lựa chọn tài liệu, sử dụng số liệu, trích dẫn và lập luận phù hợp; đồng thời rèn tư duy phản biện, tính trung thực và trách nhiệm phát ngôn. Khi chưa đủ căn cứ, học viên cần tạm dừng kết luận, chia sẻ hoặc hỏi cán bộ có trách nhiệm.

2.2. Những yêu cầu đặt ra đối với giáo dục kỹ năng kiểm chứng thông tin

Trước hết, nội dung cần phân hóa theo trình độ: học viên năm đầu tập trung xác định nguồn gốc, thời gian, bản đầy đủ; học viên có kinh nghiệm luyện so sánh nguồn, đánh giá bằng chứng và mức độ chắc chắn. Thứ hai, kết hợp thao tác kiểm tra với tự điều chỉnh nhận định, sử dụng tình huống dễ gây thiên kiến do phù hợp quan điểm sẵn có, được chia sẻ nhiều hoặc chuyển tiếp từ người quen. Đây là tình huống luyện tập, không phải kết luận về biểu hiện thực tế của học viên. Thứ ba, chỉ sử dụng thông tin công khai đã kiểm tra; không đưa tài liệu mật, thông tin nội bộ chưa được phép công bố hoặc dữ liệu cá nhân vào công cụ trực tuyến. Có thể dùng bộ nguồn tải sẵn, nhưng cần bổ sung thực hành tìm kiếm trong môi trường được phép. Thứ tư, đánh giá hành vi quan sát được qua xác định vấn đề, chọn nguồn, phân tích bằng chứng và xử lý phù hợp. Tính xác thực của thông tin phải được xem xét riêng với thẩm quyền sử dụng, công bố.

2.3. Một số biện pháp giáo dục kỹ năng kiểm chứng thông tin cho học viên

Một là, cụ thể hóa mục tiêu thành nhóm kỹ năng và yêu cầu thực hành. Đề xuất năm nhóm: xác định phát biểu cần kiểm chứng; truy tìm, đánh giá nguồn; đối chiếu bằng chứng và bối cảnh; kết luận theo mức độ xác nhận; lựa chọn cách sử dụng, chia sẻ hoặc báo cáo. Mỗi nhóm gắn với sản phẩm cụ thể như xác định bản gốc, phân biệt ngày đăng với ngày xảy ra sự kiện, viết kết luận nêu bằng chứng và phần chưa xác minh. Các nội dung được lồng ghép vào chính khóa, tự học, sinh hoạt chuyên đề và hoạt động Đoàn.

Hai là, hướng dẫn quy trình và làm mẫu lập luận. Tham khảo SIFT gồm bốn thao tác: dừng lại, tìm hiểu nguồn, tìm nội dung đưa tin tốt hơn và truy về bối cảnh gốc (Caulfield, 2019), bài viết đề xuất năm bước: xác định vấn đề; truy nguồn; đối chiếu; kết luận; lựa chọn cách xử lý. Học viên cần phân biệt dữ kiện với ý kiến, tìm bản đầy đủ, kiểm tra tác giả, thời điểm và phạm vi áp dụng; xác định các nguồn có độc lập hay chỉ đăng lại. Kết luận có thể là có căn cứ xác nhận, có căn cứ bác bỏ, gây hiểu lầm do thiếu bối cảnh hoặc chưa đủ căn cứ. Cách xử lý gồm sử dụng kèm nguồn, dừng chia sẻ, đính chính hoặc trao đổi với cán bộ. Giảng viên cần giải thích cả lý do đổi hướng tìm kiếm và chưa thể kết luận. Đây là quy trình đề xuất, chưa được kiểm định độc lập.

Ba là, luyện tập bằng tình huống gần với học tập, sinh hoạt. Có thể sử dụng ảnh cũ gắn với sự kiện mới, trích dẫn thiếu điều kiện, số liệu không nguồn hoặc thông báo chuyển tiếp chưa rõ xuất xứ; học liệu mô phỏng phải được ghi rõ. Học viên nêu nhận định ban đầu, phân công kiểm tra nguồn, bối cảnh, bằng chứng rồi viết kết luận cá nhân; nhiệm vụ cần luân phiên để bảo đảm mọi thành viên thực hành. Với nội dung AI tạo sinh, yêu cầu kiểm tra sự tồn tại và mức độ liên quan của tài liệu được dẫn. Theo định hướng UNESCO về bảo vệ dữ liệu và sử dụng AI phù hợp, chỉ dùng công cụ được phép; không coi câu trả lời AI hay công cụ phát hiện nội dung giả là bằng chứng quyết định.

Bốn là, phối hợp các lực lượng duy trì luyện tập. Giảng viên hướng dẫn phương pháp, lựa chọn học liệu và phản hồi lập luận; cán bộ quản lý củng cố kỹ năng trong tự học, sinh hoạt; tổ chức Đoàn lồng ghép vào diễn đàn, câu lạc bộ. Các hoạt động cần thống nhất yêu cầu và có thể thí điểm ở cấp đại đội. Kết quả nên được tổng hợp theo nhóm lỗi để điều chỉnh hướng dẫn. Phản hồi phải dựa trên thao tác, bằng chứng, tạo điều kiện sửa nhận định; tránh suy diễn lỗi trong bài tập thành đánh giá chung về phẩm chất học viên.

Năm là, đánh giá sản phẩm và khả năng vận dụng. Sử dụng phiếu gồm nội dung kiểm tra, nguồn và thời điểm truy cập, bằng chứng, kết luận cùng giới hạn và cách xử lý. Năm nhóm kỹ năng được đánh giá theo ba mức: chưa thực hiện được; thực hiện khi có gợi ý; thực hiện độc lập có căn cứ. Đây là tiêu chí đánh giá quá trình được đề xuất, chưa phải thang đo chuẩn hóa; cần thống nhất cách chấm qua sản phẩm mẫu trước khi mở rộng. Đánh giá bằng tình huống mới tương đương, yêu cầu giải thích cá nhân và kiểm tra lại sau thời gian phù hợp. Khi nghiên cứu hiệu quả, phải nêu rõ đối tượng, điều kiện, công cụ và chỉ báo cáo kết quả thực tế; tiếp tục kiểm nghiệm khả năng duy trì, vận dụng và lập luận độc lập.

III. KẾT LUẬN

Giáo dục kỹ năng kiểm chứng thông tin trên môi trường số cho học viên ở nhà trường quân đội cần được tổ chức thành quá trình rèn luyện có mục tiêu, có thực hành và có phản hồi. Trọng tâm là giúp học viên xác định đúng vấn đề, tìm và đối chiếu nguồn, giải thích kết luận bằng chứng cứ,

đồng thời lựa chọn hành vi sử dụng thông tin phù hợp với trách nhiệm của quân nhân. Việc biết tạm dừng kết luận khi thiếu căn cứ cũng cần được coi là một kết quả giáo dục. Bài viết đề xuất hệ thống nhóm kỹ năng, quy trình thực hành và cách tổ chức đánh giá phù hợp để tham khảo trong giáo dục quân sự. Giá trị của các đề xuất nằm ở việc cụ thể hóa yêu cầu nhận thức thành hành vi có thể quan sát và luyện tập. Do chưa có dữ liệu thực nghiệm tại nhà trường quân đội, cần triển khai thử ở phạm vi phù hợp, đánh giá khả năng thực hiện và mức độ duy trì kỹ năng trước khi mở rộng áp dụng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2025). Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 quy định Khung năng lực số cho người học.

UNESCO (2024). Unit 5: Media and Information Literacy and Misinformation. International Media and Information Literacy e-Platform. Cập nhật ngày 11/4/2024.

Brodsky, J. E., Brooks, P. J., Scimeca, D., Todorova, R., Galati, P., Batson, M., Grosso, R., Matthews, M., Miller, V., & Caulfield, M. (2021). Improving college students' fact-checking strategies through lateral reading instruction in a general education civics course. Cognitive Research: Principles and Implications, 6, Article 23.

Caulfield, M. (2019). SIFT (The Four Moves). Hapgood, June 19.

Miao, F., & Holmes, W. (2023). Guidance for generative AI in education and research. UNESCO.